

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Công văn số 510/HĐND-VP ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;
- Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;
- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

- Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình;

- Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

- Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán chi thường xuyên đối với các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư. Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

- Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giữa các xã, phường trên địa bàn tỉnh không đồng đều. Một số địa bàn còn phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn, phòng học cấp 4 xuống cấp; còn thiếu phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú học sinh và trang thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện phổ cập giáo dục, tổ chức học 2 buổi/ngày và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục.

- Việc phân bổ vốn cần đồng thời phản ánh mức độ thiếu hụt cơ sở vật chất, mức độ khó khăn của địa bàn và khả năng tự cân đối ngân sách của từng xã; ưu tiên xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Bên cạnh nhu cầu đầu tư tại các xã, Chương trình có các nhiệm vụ cấp tỉnh, nhiệm vụ liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù; nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Vì vậy, cần quy định rõ định mức phân bổ giữa nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp xã và Dự án thành phần 2, bảo đảm không trùng lặp và phù hợp khả năng triển khai, giải ngân.

- Ngân sách tỉnh có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng theo tỷ lệ tối thiểu quy định của Trung ương. Dự thảo xác định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh Thái Nguyên là 38,73% so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ được giao cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch; đồng thời quy định nguyên tắc huy động ngân sách xã và các nguồn lực hợp pháp khác.

- Trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cần quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ chế báo cáo, điều chỉnh vốn đối với trường hợp không còn nhu cầu, sử dụng vốn không hiệu quả hoặc chậm tiến độ.

- Do đó, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh, quản lý và sử dụng kế hoạch vốn trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, tiết kiệm và hiệu quả.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Cụ thể hóa quy định của Trung ương về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tạo căn cứ pháp lý cho việc xây dựng, thẩm định và quyết định phương án phân bổ vốn trung hạn, hằng năm; bảo đảm nguồn vốn được phân bổ đúng đối tượng, đúng mục tiêu, sát nhu cầu thực tế và khả năng giải ngân.

- Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn; tăng cường công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu, nội dung, cơ cấu nguồn vốn của Chương trình và thẩm quyền của Hội đồng

nhân dân tỉnh.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên giải quyết nhu cầu cấp thiết, địa bàn khó khăn, công trình có khả năng hoàn thành và giải ngân trong kỳ kế hoạch.

- Tiêu chí và phương pháp phân bổ phải rõ ràng, định lượng được, dễ kiểm tra; sử dụng số liệu có xác nhận, chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

- Bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thụ hưởng; phát huy quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Vốn đối ứng được bố trí phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh, không thấp hơn tỷ lệ tối thiểu theo quy định; khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp để hoàn thành mục tiêu Chương trình.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 04 tháng 8 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 9797/UBND-KGVX về việc đăng ký xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Ngày 11 tháng 8 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 510/HĐND-VP về việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Ngày 14 tháng 8 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 10341/UBND-KGVX về việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Ngày /8/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số /SGDĐT-KHTC đề nghị các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi.

5. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; chỉnh lý dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Ngày tháng 8 năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ kèm Công văn số /SGDĐT-TCHC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhận được Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 8 năm 2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự

thảo văn bản quy phạm pháp luật.

7. Ngày tháng 8 năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số /BC-SGDĐT.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đồng thời quy định việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các chủ thể có liên quan đến việc quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Bố cục của dự thảo văn bản

Ngoài phần căn cứ ban hành, phần ký ban hành và nơi nhận, dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã để thực hiện giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

Điều 4. Phân bổ vốn ngân sách trung ương cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định phạm vi điều chỉnh gồm nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh và việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn; xác định các cơ quan, đơn vị, địa phương và chủ thể có liên quan thuộc đối tượng áp dụng.

4.2. Về nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

Quy định 07 nguyên tắc phân bổ vốn, gồm tuân thủ pháp luật; đầu tư có trọng tâm, ưu tiên địa bàn khó khăn và nhu cầu cấp thiết; quản lý thống nhất gắn với phân cấp; phân bổ, điều chỉnh linh hoạt, đúng thẩm quyền; xử lý trường hợp chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục; công khai, minh bạch; bảo đảm tổng vốn đối ứng ngân sách tỉnh không thấp hơn tỷ lệ quy định.

4.3. Về tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã

Quy định các tiêu chí P_{kch} , P_{pcgd} , P_{thieu} ; hệ số trọng số $\alpha = 1,3$, $\beta = 1,2$, $\gamma = 1,0$; hệ số khả năng cân đối ngân sách M_j ; hệ số ưu tiên vùng miền K_j ; công thức tính điểm T_j và mức vốn V_j . Nguồn VD1 được xác định là phần vốn Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí nhiệm vụ cấp tỉnh. Số liệu được chốt ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030.

4.4. Về phân bổ vốn ngân sách trung ương cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

Quy định căn cứ, tiêu chí phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo trong tổng hợp, đề xuất phương án; việc áp dụng tiêu chí đối với trường cao đẳng theo Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và bố trí vốn đối ứng theo quy định.

4.5. Về định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương

Quy định bố trí tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho nhiệm vụ cấp tỉnh, liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù; phần còn lại phân bổ cho các xã, phường theo Điều 3; kinh phí thường xuyên thực hiện theo Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; vốn Dự án thành phần 2 phân bổ cho trường cao đẳng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.6. Về nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

Quy định nguyên tắc sử dụng vốn đối ứng; tỷ lệ đối ứng $T_{đư} = 25,82\% \times 1,5 = 38,73\%$; công thức xác định số vốn đối ứng $V_{đư} = VNSTW \times T_{đư}$; phương pháp phân bổ vốn đối ứng cho các xã; nguồn ngân sách xã, nguồn lực hợp pháp

khác; phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND và cơ chế báo cáo, điều chỉnh vốn.

4.7. Về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh; trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thời điểm có hiệu lực và nội dung thông qua Nghị quyết.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

1.1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh, quản lý và sử dụng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp nhu cầu, xây dựng và đề xuất phương án phân bổ vốn; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

- Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp và tham mưu cấp có thẩm quyền về phương án phân bổ, bố trí nguồn vốn theo quy định.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền và phân cấp được quy định tại Nghị quyết.

1.2. Các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết

1.2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu theo thẩm quyền để tổ chức triển khai Nghị quyết đầy đủ, thống nhất và đúng quy định.

1.2.2. Nguồn lực và các điều kiện triển khai thực hiện Nghị quyết

- Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ trong phạm vi tổng nguồn vốn Chương trình được cấp có thẩm quyền giao; không tự xác lập thêm tổng mức vốn ngân sách trung ương ngoài kế hoạch được giao.

- Vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 được bố trí tối đa 20% cho nhiệm vụ cấp tỉnh; phần còn lại được phân bổ cho các xã, phường theo công thức tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Vốn Dự án thành phần 2 và kinh phí thường xuyên

được bố trí theo nhiệm vụ, đối tượng, tiêu chí và quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Tổng vốn đối ứng ngân sách tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch được xác định theo công thức $V_{\text{đư}} = VNSTW \times 38,73\%$, trong đó VNSTW là tổng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh thuộc phạm vi phải bố trí đối ứng. Số tuyệt đối sẽ được xác định khi có quyết định giao vốn và dự toán của cấp có thẩm quyền.

- Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

- Vốn ngân sách xã do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí theo khả năng cân đối và phân cấp ngân sách;

- Vốn đối ứng của trường cao đẳng thực hiện Chương trình.

- Các nguồn vốn, nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện, xác nhận số liệu về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, khả năng cân đối ngân sách, phân loại địa bàn và danh mục dự án; bảo đảm số liệu chốt ngày 30 tháng 6 năm 2026 chính xác, trung thực và có hồ sơ minh chứng.

- Danh mục, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ, nhu cầu vốn của từng dự án phải phù hợp quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp nhu cầu, xây dựng phương án phân bổ; Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp và tham mưu cấp có thẩm quyền; các cơ quan, đơn vị và địa phương chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ, giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn.

- Thực hiện công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát; kịp thời điều chỉnh vốn từ địa phương, đơn vị không còn nhu cầu, chậm tiến độ hoặc sử dụng không hiệu quả sang nơi có nhu cầu và khả năng thực hiện.

2. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết tại Kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XV trong năm 2026, làm căn cứ triển khai kế hoạch vốn năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; (2) Dự thảo Nghị quyết; (3) Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; (5) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (7) Báo cáo đánh giá tác động; (8) Bản scan các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Giáo dục và Đào tạo;
Tài chính, Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Thắngpv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng